TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-PT
Ngày 12-7-2021
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về lợi ích kinh tế, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí.

Ông Cao Đức Chiến.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Vi Doanh Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLPT-DS, ngày 19/5/2021, về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về lợi ích kinh tế, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐ-PT ngày 01/7/2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nông Thị D, sinh năm 1958; cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Lương Thị H, Luật sư thực hiện quyền trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1964; cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Chu Bích T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn K, xã Bình P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thúy L, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn Kéo P, xã Bằng H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1996; cư trú tại: Thôn N, xã Bình P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị L: Bà Nông Thị D, sinh năm 1958; cư trú tại: Thôn N, xã Yên P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. (văn bản ủy quyền ngày 26/2/2021); có mặt.

5. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1998; cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Bà Lương Thị L, sinh năm 1964; cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Anh Hoàng Văn N1, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

9. Chị Lương Thị T, sinh năm 1992; cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

10. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1992; cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

12. Chị Hoàng Thị T3, sinh năm 1994; cư trú tại: Xóm 10, xã P, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị L, anh Hoàng Văn N, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị T3: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1964; cư trú tại: Thôn N, xã Yên P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. (Văn bản ủy quyền ngày 06,08,09/11/2020); có mặt.

13. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hoàng T, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện V, tỉnh Lạng Sơn. (Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2020); vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Hoàng Văn B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bà Nông Thị D và ông Hoàng Văn B tranh chấp với nhau diện tích 587,1m^2 đất tranh chấp tại địa danh Slan C, thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn gồm một phần thửa đất số 313 diện tích 140,8m^2, một phần thửa đất số 347 diện tích 127,8m^2, thửa 348 diện tích 122m^2, một phần thửa 349 diện tích 65,5m^2, thửa 363 diện tích 131m^2 đã được UBND huyện V cấp GCNQSD đất số BD 332391 ngày 06/12/2010 cho hộ ông Hoàng Văn N, bà Vi Thị D (Nông Thị D) có các cạnh được xác định bởi các điểm ABLMHK và OPQRN thể hiện trên Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo.

Trên đất tranh chấp hiện trạng trên đất tại các thửa 313, 347, 348, 349 có các cây cỏ voi do anh Hoàng Văn N và chị Lương Thị T là con trai, con dâu ông Hoàng Văn B trồng năm 2020, thửa 363 không có tài sản gì trên đất. Diện tích đất tranh chấp có địa danh L tại thôn T, xã Y là 1573,3m^2 gồm một phần thửa 501 diện tích 1258,5m^2, một phần thửa 512 diện tích 189,1m^2, một phần thửa 500 diện tích 125,7m^2 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Y, trên đất có các cây hồi, cây gỗ tạp.

Nguyên đơn bà Nông Thị D và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn trình bày: Gia đình bà Nông Thị D có 05 thửa đất nương: thửa số 313 diện tích 186m^2, thửa 347 diện tích 134m^2, thửa 348 diện tích 122m^2, thửa 349 diện tích 682m^2, thửa 363 diện tích 131m^2 đều thuộc tờ bản đồ địa chính số 65 xã Y đã được Uỷ ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) ngày 06/12/2010 cho hộ ông Hoàng Văn N và bà Vi Thị D (do in sai nên hộ bà Nông Thị D thành Vi Thị D). Các thửa đất trên tọa tại địa danh S, thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và 01 thửa đất có diện tích 4.856m^2 thuộc thửa 512 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Yên Phúc, huyện V rừng có địa danh L, thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, gia đình bà chưa được cấp GCNQSDĐ.

Nguồn gốc các thửa đất trên do bố mẹ chồng bà là ông Hoàng Văn N và bà Triệu Thị S chia cho vợ chồng bà từ năm 1983. Khi chia đất, bố mẹ chồng chỉ chia bằng miệng cho các con trai, không chia cho con gái, việc chia không có giấy tờ gì.

Đối với 05 thửa đất nương tại địa danh S, gia đình bà đã quản lý, canh tác thường xuyên trồng ngô, đỗ và làm mạ từ năm 1983 đến năm 2010. Năm 2010 ông Hoàng Văn N chồng bà chết, các con đi học nên gia đình bà không canh tác được, năm 2016 gia đình bà cho ông La Văn T người cùng thôn mượn canh tác 01 năm, năm 2017 ông La Văn T không làm nữa thì gia đình ông Hoàng Văn B đến tranh chấp và cho con trai là Hoàng Văn N trồng cỏ voi trên đất tranh chấp.

Gia đình bà không nhất trí nhưng ông Hoàng Văn B cho rằng đất này bố mẹ đã chia cho ông Hoàng Văn B nên ông Hoàng Văn B có quyền quản lý, sử dụng. Nay bà khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng 05 thửa đất vườn S gồm thửa 313, 347, 348, 349, 363 tờ bản đồ địa chính số 65 xã Y, buộc gia đình ông Hoàng Văn B chấm dứt tranh chấp đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên và di dời toàn bộ cây ngô, cỏ voi đang trồng trên các thửa đất trên đi nơi khác, yêu cầu ông Hoàng Văn B bồi thường 4.000.000 đồng cho 04 năm không được canh tác.

Đối với thửa đất rừng tại địa danh L, gia đình bà đã quản lý, sử dụng trồng hồi từ năm 1983 nhưng hiện nay chỉ còn sống 08 cây hồi. Hàng năm gia đình bà đều đi phát rừng, thu hoạch hồi nhưng gia đình bà chưa đi kê khai xin cấp GCNQSDĐ. Do rừng sát ruộng của ông Hoàng Văn B nên ông Hoàng Văn B đã tự ý kê khai và ông Hoàng Văn B được cấp GCNQSDĐ với diện tích 4.856m^2 thuộc số thửa 512 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Y, việc ông Hoàng Văn B kê khai và được cấp GCNQSDĐ đối đất rừng này bà không biết vì bà vẫn thực tế quản lý, sử dụng. Khoảng năm 2015 ông Hoàng Văn B mới đến tranh chấp, việc tranh chấp đã được thôn hòa giải thành cho bà quản lý, sử dụng, năm 2017 ông Hoàng Văn B lại tiếp tục tranh chấp và trồng bổ sung các cây hồi con trên đất tranh chấp và không cho gia đình bà thu hoạch hồi. Nay bà khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và sở hữu 08 cây hồi và các cây mọc tự nhiên trong rừng, buộc gia đình ông Hoàng Văn B chấm dứt tranh chấp đối với diện tích đất này, yêu cầu ông Hoàng Văn B bồi thường 5.000.000 đồng do không được thu hoạch hồi, yêu cầu hủy GCNQSD đất số BK 287095 do UBND huyện V cấp ngày 30/11/2011 cho hộ ông Hoàng Văn B và bà Lương Thị L.

Bị đơn Hoàng Văn B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan Lương Thị L, Hoàng Văn N, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T, Hoàng Thị T3 trình bày: Diện tích các thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông là ông Hoàng Văn N và mẹ là bà Triệu Thị S (đã chết năm 1995) chia cho vợ chồng ông là Hoàng Văn B và Lương Thị L năm 1985, lúc chia đất bố mẹ chỉ nói bằng miệng trước mặt các anh chị em trong gia đình, không có giấy tờ gì.

Các thửa đất số 313, 347, 348, 349 là của bố đẻ ông là ông Hoàng Văn N mua với ông La Văn T năm 1978, có giấy tờ mua bán ghi là Văn khế bán rừng hồi. Khu đất này trước đây gọi là Xa B trong bản Văn khế bán rừng hồi cũng ghi là Xa B, nay mới gọi là S, bố ông ghi vào Văn khế là "Phần Biên quản lý, sử dụng" và giao tờ giấy này cho ông. Do đó gia đình ông đã quản lý, canh tác từ năm 1985 đến nay, hàng năm gia đình ông trồng đỗ tương, ngô, sắn, thuốc lá.

Năm 2015 ông có được cho ông La Văn V 01 thửa đất để làm đường đi vào nhà ông La Văn V và cho ông La Văn T mượn canh tác một thời gian nhưng không nhớ cụ thể năm nào. Đến năm 2016 khi con trai là Hoàng Văn N lấy vợ, ra ở riêng thì ông cho vợ chồng Hoàng Văn N canh tác nhưng không chia cho

con, năm 2020 thì vợ chồng ông mới trồng cỏ voi trên diện tích đất gồm các thửa 313, 347, 348, 349 tờ bản đồ 65 xã Y.

Đối với thửa 363 tờ bản đồ 65 xã Y cũng do bố mẹ chia cho vợ chồng ông gồm 03 thửa gần nhau, ông đã canh tác làm mạ, trồng lúa trên thửa đất này từ năm 1985 đến nay. Năm 2010 ông có đăng ký, kê khai cấp GCNQSD đất đối với các thửa đất vườn, đất ruộng của gia đình, trong đó có các thửa đất tại khu vực S, gồm thửa 312 diện tích 867m^2, thửa 350 diện tích 664m^2 (giáp các thửa 313, 347, 348, 349 đang tranh chấp) và thửa 360 diện tích 83m^2 (giáp thửa 363 đang tranh chấp). Sau khi nhận GCNQSD đất thấy thiếu các thửa đất được bố mẹ chia cho, ông đã lên UBND xã Y khiếu nại nhưng UBND xã có ý kiến bằng miệng là sẽ điều chỉnh sau. Lúc ông Hoàng Văn N (chồng bà D) còn sống đã có ý kiến anh em trong nhà cấp GCNQSDĐ cho ai cũng được do đó ông cứ canh tác. Vì vậy ông không nhất trí toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị D đối với diện tích đất tranh chấp tại S và yêu cầu hủy một phần GCNQSD đất số BD 332391 do UBND huyện V cấp ngày 06/12/2010 cho hộ ông Hoàng Văn N và bà Nông Thị D đối với các thửa 313, 347, 348, 349, 363 tờ bản đồ 65 xã Y, huyện V.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện V tại công văn số 312/UBND-TNMT ngày 03/3/2021 và bản tự khai của người đại diện hợp pháp trình bày: UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số BD 332391, ngày 06/12/2010 cho hộ ông Hoàng Văn N và bà Nông Thị D. Về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ đất đều đảm bảo theo quy định của Luật đất đai năm 2003, không có tranh chấp. Sau khi cấp GCNQSDĐ không có khiếu nại về việc cấp GCNQSD các thửa đất nêu trên cho hộ ông Hoàng Văn N và bà Nông Thị D, do đó UBND huyện V không nhất trí yêu cầu của ông Hoàng Văn B về việc yêu cầu hủy một phần GCNQSD đất số BD 332391 cấp ngày 06/12/2010 cho hộ ông Hoàng Văn N và bà Nông Thị D.

Tại Bản án số 01/2020/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã căn cứ khoản 2, 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 5 Điều 157, Điều 158, khoản 1, 5 Điều 165, Điều 166; khoản 1, 2 Điều 228; khoản 2 Điều 229, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 49, khoản 4 Điều 50, các Điều 105, 107, 123 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 26, 166, 170, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 điều 24, khoản 1, 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Bà Nông Thị D và anh Hoàng Văn L, chị Hoàng Thị T, Hoàng Thị T, Hoàng Thúy L, Hoàng Thị L được quyền quản lý, sử dụng 587,1m^2 đất tranh chấp tại địa danh S, thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn gồm một phần thửa 313 diện tích 140,8m^2, một phần thửa 347 diện tích 127,8m^2, thửa 348 diện tích 122m^2, một phần thửa 349 diện tích 65,5m^2, thửa 363 diện tích 131m^2 đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số BD 332391 ngày 06/12/2010 cho hộ ông Hoàng Văn N, bà Vi Thị D (Nông Thị D) có các cạnh được xác định bởi các điểm ABLMHK và OPQRN thể hiện trên Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo. Buộc ông Hoàng Văn B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn chấm dứt toàn bộ hành vi tranh chấp đối với các diện tích đất nêu trên.

1.2. Buộc anh Hoàng Văn N, chị Lương Thị T phải di dời toàn bộ các cây cỏ voi trồng trái phép trên diện tích đất tranh chấp nêu tại mục 1.1 nêu trên để trả lại đất cho bà Nông Thị D, anh Hoàng Văn L, chị Hoàng Thị T, Hoàng Thị T, Hoàng Thúy L, Hoàng Thị L.

1.3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông Thị D đối với phần diện tích đất 1573,3m^2 thuộc một phần thửa số 500, 501, 512 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Y và toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp này; phần diện tích đất 46,9m^2 thuộc thửa số 314, phần diện tích 84,1m^2 thuộc thửa số 352 tờ bản đồ địa chính số 65 xã Y, huyện V, ký hiệu CDEFGML trên sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo và các yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000 đồng và 4.000.000 đồng, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK287095 do UBND huyện V cấp ngày 30/11/2011 cho hộ ông Hoàng Văn B và bà Lương Thị L.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Hoàng Văn B yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 332391 do UBND huyện Văn Quan cấp ngày 06/12/2010 cho hộ ông Hoàng Văn Niên, bà Vi Thị D (Nông Thị D) đối với phần diện tích đất tranh chấp nêu tại mục 1.1 nêu trên.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định ngày 14 tháng 4 năm 2021 ông Hoàng Văn B nộp đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết:

1. Ông Hoàng Văn B được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 587,1m^2 có địa danh S, thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

2. Không nhất trí di dời các cây cỏ voi đã trồng trên đất, ông yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn Niên, bà Vi Thị D (Nông Thị D) đối với phần diện tích đất tranh chấp.

3. Yêu cầu bà Nông Thị D phải chịu 10.105.000 đồng tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên yêu cầu bác kháng cáo của bị đơn xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về kháng cáo: Kháng cáo của ông Hoàng Văn B lập trong thời gian luật định nên kháng cáo hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo, ông Biên cho rằng diện tích đất tranh chấp do bố mẹ chia ông từ năm 1985 trước mặt các anh chị em trong gia đình chỉ chia bằng miệng không có giấy tờ gì. Sau khi chia ông B đã trồng đỗ tương, ngô, sắn... Năm 2009 gia đình ông B và gia đình ông N cùng đi kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nhưng tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn B và bà Lương Thị L có kê khai 27 thửa đất trong đó có 2 thửa tại địa danh S gồm: Thửa 312 diện tích 867 m^2, thửa 350 diện tích 664m^2, nhưng không có các thửa 363, 349, 348, 347, 313; như vậy, hộ gia đình bà D được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục, đối tượng theo Luật đất đai. Ông B cho rằng khi đi kê khai còn thiếu, đã báo Ủy ban xã nhưng không có tài liệu chứng minh; do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn B đòi quản lý sử dụng 587,1m^2 đất tranh chấp tại Slan chỉ và tài sản gắn liền với đất; việc ông B cho con trồng cây cỏ voi trên đất tranh chấp không được sự đồng ý của bà D và cơ quan có thẩm quyền nên bà D yêu cầu di dời các cây cỏ voi là có căn cứ.

Về chi phí tố tụng, án sơ thẩm đã xác định đúng theo qui định tại khoản 1, 5 Điều 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí nguyên đơn, bị đơn, người kháng cáo có đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí, do là người sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Từ phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn B xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 31-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn B làm trong thời hạn luật quy định nên kháng cáo hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng vắng mặt nói trên đã cung cấp lời

khai, văn bản nêu ý kiến; đồng thời những người này đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc có ủy quyền, người nhận ủy quyền có mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Xét, nội dung của vụ án thấy rằng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị D và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản thì giữa bà Nông Thị D và ông Hoàng Văn B xẩy ra tranh chấp diện tích trên hai khu đất cùng các tài sản trên đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, đòi bồi thường do không canh tác, thu hái được hoa lợi và yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với vợ chồng ông Hoàng Văn B, bà Lương Thị L, cụ thể: Diện tích đất tranh chấp khu đất tại địa danh rừng L, thôn T, xã Y, huyện V là 1.573,3m^2, nằm trong các thửa 500; thửa 501; thửa 512 thuộc tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 01 xã Yên P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; tài sản trên đất có 30 cây hồi to, nhỏ (01 cây có đường kính gốc 26,4cm; 03 cây có đường kính gốc 21,3cm; 01 cây có đường kính gốc 18,4cm; 01 cây có đường kính gốc 7,6cm; 01 cây có đường kính gốc 12,7cm; 01 cây có đường kính gốc 5,7cm; 02 cây có đường kính gốc 0,9cm; 05 cây có đường kính gốc 06cm; 03 cây có đường kính gốc 03cm; 11 cây có đường kính gốc 0,1cm). Diện tích đất tranh chấp tại địa danh S, thôn N, xã Y, huyện V là 718,1m^2 gồm 07 thửa, trong đó 06 thửa, loại đất trồng cây hàng năm khác (thửa 313 diện tích 140,8m^2; thửa 314 diện tích 46,9m^2; thửa 347 diện tích 127,8m^2; thửa 348 diện tích 122,0m^2; thửa 349 diện tích 66,5m^2; thửa 352 diện tích 84,1m^2) và thửa đất ruộng mạ diện tích 131,0m^2 thuộc thửa 361; các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ địa chính số 65 bản đồ địa chính xã Y đo vẽ năm 2009.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nông Thị D đã rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất tranh chấp 1.573,3m^2 thuộc một phần các thửa đất 500, 501, 512 tờ Bản đồ đất lâm nghiệp số 01 xã Y và toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp; rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Hoàng Văn B, bà Lương Thị L bồi thường thiệt hại 5.000.000đồng do không được thu hoạch hồi; rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 287095 do UBND huyện V cấp ngày 30/11/2011 cho hộ ông Hoàng Văn B và bà Lương Thị L; rút yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất 46,9m^2 thuộc thửa 314 và phần diện tích 84,1m^2 thuộc thửa đất số 352 tờ Bản đồ địa chính số 65 xã Y, huyện V; rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Hoàng Văn B, bà Lương Thị L phải bồi thường thiệt hại 4.000.000đồng do không canh tác được trên đất địa danh S. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị D và đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất tranh chấp đã rút và yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị L là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

[4] Xét nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn B, Hội đồng xét xử, xét thấy: Hai bên đương sự đều cho rằng các diện tích đất đã được bố mẹ là ông

Hoàng Văn N và bà Triệu Thị S chia cho sử dụng từ năm 1985, khi chia chỉ bằng miệng, không có giấy tờ, các con gái không được chia. Nhưng cả nguyên đơn, bị đơn đều không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng của phía nguyên đơn cho rằng nguyên đơn được bố mẹ chia nên nguyên đơn quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ khi được chia đến khi xảy ra tranh chấp; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phía bị đơn cũng cho rằng bị đơn được bố mẹ chia cho diện tích đất tranh chấp, bị đơn quản lý, sử dụng cho đến khi xảy ra tranh chấp; nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều khai rằng không biết bố mẹ chia diện tích đất hiện đang tranh chấp cho ai, chia thế nào; do đó bản án sơ thẩm đã nhận định đánh giá lời khai đó không vô tư, khách quan là phù hợp. Thực tế có thể khẳng định diện tích đất hiện đang tranh chấp đã được bố mẹ là ông Hoàng Văn N và bà Triệu Thị S chia từ năm 1983 bởi cả hai bên đương sự đều thừa nhận; đến năm 2015 ông Hoàng Văn B cùng vợ Lương Thị L đã đến tranh chấp đất và không cho gia đình bà Nông Thị D canh tác, thu hái hoa hồi..., việc tranh chấp đã được thôn N hòa giải thành ngày 16/10/2015, theo đó hai bên đã thỏa thuận cụ thể ông Hoàng Văn B được quản lý, sử dụng khu đất X, bà Nông Thị D được quản lý, sử dụng khu đất L, nhưng đến năm 2017 gia đình ông Hoàng Văn B lại tiếp tục tranh chấp không cho gia đình bà Nông Thị D canh tác, thu hái hoa hồi..., như vậy có thể khẳng định từ sau khi được chia diện tích đất này thì gia đình bà Nông Thị D quản lý sử dụng không ai có ý kiến gì cho đến năm 2015 thì gia đình ông Hoàng Văn B mới đến tranh chấp.

[5] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện V và căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 332391 vào sổ cấp GCN.CH02362, ngày 06/12/2010 của UBND huyện V cấp cho hộ ông Hoàng Văn N, bà Vi Thị D (do nhầm họ nhưng thực tế là Nông Thị D) thì diện tích đất tranh chấp 587,1m^2 đất tại địa danh Slan Chỉ gồm một phần thửa 313, diện tích 140,8m^2; thửa 348, diện tích 122m^2; một phần thửa 349 diện tích 65,5m^2; thửa 363, diện tích 131m^2 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn N, bà Nông Thị D. Do đó có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp nguyên đơn được bố mẹ chia cho từ năm 1983 gia đình nguyên đơn quản lý, sử dụng đến năm 2010 ông Hoàng Văn N chồng bà D chết, các con đi học nên gia đình bà không canh tác được, năm 2016 gia đình bà cho ông La Văn T người cùng thôn mượn canh tác 01 năm, khi ông La Văn T không làm nữa thì gia đình ông Hoàng Văn B đến tranh chấp và cho con trai là Hoàng Văn N trồng cỏ voi trên đất tranh chấp đến nay; vụ việc được ông La Văn T xác nhận.

[6] Về ý kiến của ông Hoàng Văn B cho rằng đất đang tranh chấp được bố mẹ chia cho nhưng chưa đi kê khai thì đã cấp nhầm cho gia đình ông Hoàng Văn N và bà Nông Thị D, lời khai của ông cũng không có căn cứ bởi cùng trong thời điểm kê khai để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì chính bản thân ông đã kê khai 27 thửa đất, trong đó có cả những thửa đất liền kề với các thửa đất hiện đang tranh chấp và không có kê khai đến thửa đất nào hiện đang tranh chấp với gia đình bà Nông Thị D tại địa danh S, trong khi gia đình bà Nông Thị D chỉ có 14 thửa đất, trong đó có 05 thửa tại địa danh S; đồng thời sau đó cơ quan chuyên môn còn thực hiện các thủ tục

niêm yết công khai... sau đó mới cấp giấy chứng nhận cho từng hộ dân trong đó có cả hộ gia đình ông và hộ gia đình bà D; như vậy, cơ quan chuyên môn khẳng định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình bà Nông Thị D là đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng là có căn cứ. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Bi yêu cầu quản lý diện tích đất tranh chấp 587,1m^2 có địa danh S, thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy một phần GCNQSD đất số BD 332391 cấp ngày 06/2/2010 cho hộ ông Hoàng Văn N và bà Nông Thị D.

[7] Về yêu cầu của ông Hoàng Văn B không nhất trí di dời các cây cỏ voi đã trồng trên đất đang tranh chấp thấy rằng năm 2017 khi xảy ra tranh chấp thì Ủy ban nhân dân xã đã giải quyết nhiều lần và giao cho gia đình bà Nông Thị D quản lý sử dụng đất đang tranh chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình bà Nông Thị D; năm 2020 ông B lại tiếp tục tranh chấp và cho con trai trồng cây cỏ voi trên đất mà không được sự đồng ý của bà D là vi phạm pháp luật nên bà D yêu cầu di dời các cây cỏ voi là có căn cứ.

[8] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị D được chấp nhận, cấp sơ thẩm buộc bà Nông Thị D phải chịu 8.695.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là đúng quy định của pháp luật vì bà Nông Thị D rút một phần các yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu của ông Hoàng Văn B không được chấp nhận do đó phải chịu 10.105.000 đồng tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho bà Nông Thị D đã nộp trước là đúng quy định tại Điều 157, Điều 164 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nông Thị D, ông Hoàng Văn B cư trú tại địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí nên cấp sơ thẩm miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Nông Thị D và ông Hoàng Văn B là đúng quy định của tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nhưng ông Hoàng Văn B cư trú tại địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn thuộc trường hợp được miễn và ông có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên miễn toàn bộ tiền án phí phúc thẩm cho ông Hoàng Văn B.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định nêu trên đều đã được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn B; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn B được miễn án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/7/2021.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Văn Quan, Lạng Sơn;
- Các đương sự;
-Lưu: HSVA; TDS; HCTP; KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Sơn